

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 181/2021/TLST- HNGĐ ngày 12/10/2021, giữa:

Nguyên đơn: Bà Lưu Thị Thanh H – Sinh năm: 1966;

Nơi cư trú: Thôn P, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T – Sinh năm: 1975;

Nơi cư trú: Thôn P, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Lưu Thị Thanh H và ông Nguyễn Văn T (được UBND xã H, huyện (nay là thị xã) Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 20/2007, ngày 12/02/2007).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Thống nhất có 01 con chung và giao cho bà Lưu Thị Thanh H được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Nguyễn Anh M – Sinh ngày 27/12/2008. Ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 780.000đồng (*Bảy trăm tám mươi nghìn đồng*), thời hạn cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 11/2021 và chấm dứt khi phát sinh một trong các điều kiện được quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Ông Nguyễn Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Hai bên thống nhất tạo lập được số tiền 160.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*) do bà Lưu Thị Thanh H đang quản lý, thống nhất chia đôi số tiền, mỗi bên được nhận 80.000.000 đồng nên bà Lưu Thị Thanh H có nghĩa vụ giao cho ông Nguyễn Văn T số tiền 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền trên thì hàng tháng phải chịu lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Về án phí:

Bà Lưu Thị Thanh H tự nguyện nộp 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 2.000.000 đồng án phí về chia tài sản chung; Tổng cộng 2.150.000 đồng, được khấu trừ số tiền: 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền số 0001578 ngày 12/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên nên bà Lưu Thị Thanh H phải tiếp tục nộp 1.850.000 đồng (*Một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*).

Ông Nguyễn Văn T tự nguyện nộp 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (*cấp dưỡng nuôi con định kỳ*) và 2.000.000 đồng án phí về chia tài sản chung; Tổng cộng ông Nguyễn Văn T phải nộp 2.150.000 đồng (*Hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Đông Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Đông Hòa
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Mai Tấn Hồng

